TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển

2. Ông Đoàn Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02A/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Trụ sở: Số X, phường y, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ nhận thông báo, giấy triệu tập, quyết định của Tòa án: Số X, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người được ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch K - Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh Hà Nội- PGD K (Theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023, bản công chứng).

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Thùy L, chức vụ: Chuyên viên khách hàng - Ngân hàng thương mại cổ phần Schi nhánh Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền số 06/2024/GUQ-CNHN-PGDKN ngày 25/7/2024), có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nh**, sinh năm 19xx

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày***:

Ngày 08/05/2023, bà Nguyễn Thị Hồng Nh có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là **30.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)* với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 25 hàng tháng. Sau khi chốt thông báo giao dịch, Ngân hàng gửi cho khách hàng qua hình thức nhận thông báo giao dịch (TBGD) mà khách hàng đã đăng ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (chi tiết tại trang 4, phần: địa chỉ nhận thẻ và hình thức nhận thông báo giao dịch). Lãi suất trong hạn được Sacombank công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 238.586.252 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nh đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 211.429.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Do bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (đã không thanh toán 03 kỳ liên tiếp từ kỳ chốt thông báo giao dịch ngày 25/03/2024 đến kỳ thông báo giao dịch ngày 25/05/2024), Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nh không có thiện chí trả nợ, nên ngày 25/05/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Quy định tại mục a, mục b, khoản 24.4, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.481.527 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng: từ thời điểm KH vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, ngân hàng có quyền chỉ áp dụng lãi suất trong

hạn để hỗ trợ KH, từ khi KH chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% trên lãi trong hạn.

Tính đến hết ngày 08/05/2025, Bà Nh còn nợ các khoản sau:

• Nợ gốc: 34.481.527 đồng (Nợ phát sinh đầu kì 25/05/2024 + Giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí – thanh toán)

• Lãi quá hạn: 14.891.616 đồng (Công thức tính lãi quá hạn = Dư nợ gốc 34.481.527 đồng x lãi suất quá hạn 3.725%/tháng : 30 ngày x số ngày quá hạn 348 ngày)

• Tổng cộng: **49.373.143 đồng**

Diễn giải: Lãi quá hạn: 14.891.616 đồng (bao gồm lãi từ ngày 25/05/2024 đến hết ngày 08/05/2025) có công thức tính như sau:

Lãi 1 ngày là: **34.481.527** x **3.725%** / 30 = 42.792 đồng.

Từ ngày 25/05/2024 đến ngày 25/06/2024 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/06/2024 đến ngày 25/07/2024 có 30 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 30 = 1.283.760 đồng. Từ ngày 25/07/2024 đến ngày 25/08/2024 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/08/2024 đến ngày 25/09/2024 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/09/2024 đến ngày 25/10/2024 có 30 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 30 = 1.283.760 đồng. Từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/11/2024 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/12/2024 có 30 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 30 = 1.283.760 đồng. Từ ngày 25/12/2024 đến ngày 25/01/2025 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/01/2025 đến ngày 25/02/2025 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/03/2025 có 28 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 28 = 1.198.176 đồng. Từ ngày 25/03/2025 đến ngày 25/04/2025 có 31 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 31 = 1.326.552 đồng. Từ ngày 25/04/2025 đến ngày 08/05/2025 có 13 ngày với số tiền lãi là: 42.792 x 13 = 556.296 đồng. Tổng số tiền lãi quá hạn là: 14.891.616 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Nh có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Nh vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, đề nghị Toà án: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/05/2025 là **49.373.143 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) trong đó:

Nợ gốc : 34.481.527 đồng
Lãi quá hạn : 14.891.616 đồng

Và bà Nguyễn Thị Hồng Nh có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/05/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

* Bà Nguyễn Thị Hồng Nh đã được Tòa án triệu tập để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không lý do. Vì vậy bà Nh không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 18/02/2025 tại UBND xã Tân Lập thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có đăng ký thường trú tại thôn Trà Khê, xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, nhưng không thường xuyên sinh sống tại nơi thường trú. Theo thông tin của cơ sở thôn Trà Khê cung cấp, bà Nh sinh sống và làm việc tại Hà Nội, đã lâu không về gia đình chồng. Bản thân bà Nh đã được triệu tập và gia đình chồng bà Nh đã được gửi giấy mời đến trụ sở UBND xã Tân lập làm việc liên quan đến khoản vay của bà Nh nhưng bà Nh không có mặt tại địa phương, gia đình chồng bà Nh họ từ chối làm việc vì nói không liên quan gì. Chồng bà Nh là ông Trần Ngọc Ánh sinh sống tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ, đã lâu không sinh sống tại thôn Trà Khê, xã Tân Lập và ít về quê. Đối với khoản vay của bà Nh với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, địa phương không rõ về nội dung.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nh phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử số tiền 49.373.143 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 34.481.527 đồng, lãi quá hạn là 14.891.616 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Skhởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Nh trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà Nguyễn Thị Hồng Nh cư trú tại xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Thỏa thuận của Ngân hàng và bà Nh trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 08 tháng 5 năm 2023 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xác định Hợp đồng là hợp pháp.

[3.2] Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 238.586.252 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 211.429.000 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vào ngày 25 hàng tháng, bà Nh phải thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (đã không thanh toán 03 kỳ liên tiếp từ kỳ chốt thông báo giao dịch ngày 25/03/2024 đến kỳ thông báo giao dịch ngày 25/05/2024) nên ngày 25/05/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với mức lãi suất các bên thỏa thuận bằng 150% mức lãi trong hạn, tính từ ngày 25/5/2024. Bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; vi phạm Điều 19, Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Điều 24 quy định: "Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp Đồng. Khi vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Sacombank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Tạm ngưng hoặc Chấm Dứt sử dụng Thẻ và thu hồi toàn bộ Dư Nợ; Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Sacombank. Sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc sau 03 (ba) kỳ TBGD liên tiếp, nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn Số Tiền Tối Thiểu, Sacombank sẽ chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ Thẻ".

[3.4] Về số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với Điều 19; Điều 23 và Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng: "19.1 Chủ thẻ phải thanh toán cho Sacombank số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch"; chi tiết Điều 23 quy định: "Cách tính lãi: Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên thẻ. Lãi được tính như sau: a) Đối với giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến (không áp dụng với thẻ nội địa, phí, lệ phí): Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho Sacombank đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong Thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên Thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong TBGD mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ. Nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn theo TBGD thì chủ thẻ được miễn lãi đối với tất cả các giao dịch tại TBGD hiện tại. Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đế hết ngày chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền đã sử dụng/đã rút. Sacombank có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ". Do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nh phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 49.373.143 đồng, trong đó số tiền gốc là 34.481.527 đồng, lãi quá hạn là 14.891.616 đồng và bà Nh có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.468.657 đồng (làm tròn là 2.468.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 08/5/2023 số tiền là: Nợ gốc là 34.481.527 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2025 là 14.891.616 đồng, tổng cộng là 49.373.143 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng. Lãi suất mà Nguyễn Thị Hồng Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ssẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

[2] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải nộp 2.468.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Ssố tiền 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001xxx ngày 11 tháng 10 năm 20xx của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[3] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, bà Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)